

Bản án số: 127/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 06 - 6 - 2025

“V/v ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

• **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc

Ông Nguyễn Xuân Thí

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thuận – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm ly hôn thụ lý số 148/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tăng Thị Mai L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông LEE SANG IK, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số A D - H, 27 N –ro, G -S, J –do, Hàn Quốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn và bản tự khai bà Tăng Thị Mai L trình bày: Nguyên đơn và ông L1 IK yêu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 03 tháng 02 năm 2023. Sau khi kết hôn, sống chung với nhau được 10 ngày thì ông L2 về lại Hàn Quốc, đến tháng 11/2023 thì ông L2 trở lại Việt Nam và sinh sống tại nhà mẹ bà Tăng Thị Mai L, từ đó cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm sống, ông L2 không có việc làm ở nhà uống rượu rồi đánh đập bà. Đến tháng 01/2024 ông L2 trở về Hàn Quốc cho đến nay không liên lạc với nhau và sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông L2.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ: Không có

Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thực hiện các phương thức tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn (ông [L2](#)) và thực hiện uỷ thác tư pháp theo quy định. Tại Công văn số 3558/CH- BTP ngày 05/12/2024 của Bộ Tư pháp về việc Bộ Tư pháp gửi hồ sơ uỷ thác tư pháp của ông [L2](#), sinh năm 1972; Địa chỉ: [Số A D - H, 27 N](#) – ro, [G -S, J](#) – do, Hàn Quốc; Tại Công văn số 1621/BTP – PLQT ngày 19/5/2025 của Bộ Tư pháp về việc Bộ Tư pháp nhận được Văn bản số 2025 - D - 19 ngày 23/01/2025 của Bộ tư pháp Hàn Quốc thông báo kết quả thực hiện uỷ thác tư pháp theo đề nghị của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình tại Công văn số 3195/TTTPDS – TA46 ngày 04/10/2024 đối với ông [L2](#), sinh năm 1972; Địa chỉ: [Số A D - H, 27 N](#) – ro, [G -S, J](#) – do, Hàn Quốc; theo đó Cơ quan có thẩm quyền của [Đ](#) đã thực hiện việc uỷ thác tư pháp nêu trên vào ngày 20/01/2025 bằng phương thức: tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho ông LEE SANGIK.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn và gia đình cho bà [Tăng Thị Mai L](#) được ly hôn ông [L2](#); con chung, tài sản chung và nợ không có nên không xem xét. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn làm đơn xin ly hôn bị đơn có quốc tịch Hàn Quốc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn (có đơn xin xét xử vắng mặt); bị đơn vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thực hiện các phương thức tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn và thực hiện uỷ thác tư pháp theo quy định. Tại Công văn số 1621/BTP – PLQT ngày 19/5/2025 của Bộ Tư pháp về việc Bộ Tư pháp nhận được Văn bản số 2025 - D - 19 ngày 23/01/2025 của Bộ tư pháp Hàn Quốc thông báo kết quả thực hiện uỷ thác tư pháp theo đề nghị của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình tại Công văn số 3195/TTTPDS – TA46 ngày 04/10/2024 đối với ông [L2](#), sinh năm 1972; Địa chỉ: [Số A D - H, 27 N](#) – ro, [G -S, J](#) – do, Hàn Quốc; theo đó Cơ quan có thẩm quyền của [Đ](#) đã thực hiện được việc uỷ thác tư pháp nêu trên vào ngày 20/01/2025 bằng phương thức: tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho ông LEE SANG IK và Toà án đã tiến hành thông báo trên kênh đối ngoại VOV5 Đài tiếng nói Việt Nam nhưng không có ý kiến của ông [L2](#). Theo quy định tại khoản 3 Điều 474, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[4] Bà [Tăng Thị Mai L](#) và LEESANGIK lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [UBND thị xã B](#), tỉnh Quảng Bình vào ngày 03/02/2023 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà sống chung với nhau được 10 ngày thì ông [L2](#) về lại Hàn Quốc, đến tháng 11/2023 thì ông [L2](#) trở lại Việt Nam và sinh sống tại nhà mẹ bà [Tăng Thị Mai L](#), từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm sống. Đến tháng 01/2024 ông [L2](#) trở về Hàn Quốc cho đến nay không liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử thấy ông bà không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và [G1](#) cho bà [Tăng Thị Mai L](#) được ly hôn ông [L2](#).

[5] Về con chung và tài sản chung: Theo bà [Tăng Thị Mai L](#) trình bày là không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về chi phí tố tụng và án phí: bà [Tăng Thị Mai L](#) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; 200.000 đồng uỷ thác tư pháp và 8.040.000 đồng chi phí tố tụng.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà [Tăng Thị Mai L](#) có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố dân sự; ông [L2](#) có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 273, khoản 3 Điều 474, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố dân sự năm 2015; áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà [Tăng Thị Mai L](#) được ly hôn ông [L2](#).
2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét
3. Bà [Tăng Thị Mai L](#) phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 200.000 đồng tiền uỷ thác thư pháp và 8.040.000 đồng chi phí tố tụng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0005022 ngày 02/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (Bà [L](#) đã nộp đủ án phí và tiền chi phí tố tụng).
4. Về quyền kháng cáo: Bà [Tăng Thị Mai L](#) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định. Ông [L2](#) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của [HYPERLINK "https://trolyao.toaan.gov.vn/30%20/o%20Ph%C3%A1p."](#) pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dương